

Số: *36* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng # năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của
Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng
trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của
Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì
công trình xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2195/TTr-SXD
ngày 19 tháng 9 năm 2017 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số
98/BC-STP ngày 24 tháng 3 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đ. V. T.*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân;
- Các Ban Xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; Đài PT - TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, QH XD, CNN, KT, KGVX, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 8 /2017/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, giải quyết sự cố công trình xây dựng và phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân các thành phố, huyện, thị xã (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ

Công tác quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ.

Chương II QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, NGÀNH

Điều 4. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn

thành thi công xây dựng trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

3. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 6, Khoản 3 Điều 7, Khoản 3 Điều 8, Khoản 4 Điều 9, Khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều này và chủ đầu tư thực hiện theo nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Thông tư số 26/2016/TT-BXD). Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình được quy định tại Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Sở Xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc xác định chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình trước khi bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh.

5. Việc kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng được quy định tại Khoản 1, Điểm b, c Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên, có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các việc quy định tại Điểm a, b, c, d, i Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình dân dụng;

Công trình sản xuất vật liệu xây dựng; Công trình công nghiệp nhẹ; Công trình hạ tầng kỹ thuật, quy định tại Mục I, Khoản 1 Mục II, Khoản 7 Mục II và Mục III tại Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư; Công trình cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Mục I, Khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Thẩm định thiết kế công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Thông tư hướng dẫn Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Quy định này; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy định này.

7. Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng, có trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 23 Quy định này.

8. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

9. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa

bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

10. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng, công tác nghiệm thu, sự cố công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1, 4, 6, 7, 8, 9 Điều 5 của Quy định này.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý theo Khoản 2, Điều 5 Quy định này).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, công trình do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên kiểm tra theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 và công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Các công trình công nghiệp cấp I trong các khu công nghiệp, bao gồm: công trình luyện kim và cơ khí chế tạo, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình dầu khí, công trình năng lượng, công trình hóa chất theo Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hằng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình

chất lượng, công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn theo Mẫu số 02 phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1, 4, 6, 7, 8, 9 Điều 5 của Quy định này.
2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý theo Khoản 2, Điều 5 Quy định này).
3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định Khoản 3 Điều 12 của Quy định này:
 - a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hằng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1, 4, 6, 7, 8, 9 Điều 5 Quy định này.
2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
3. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình chuyên ngành sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp

huyện theo quy định Khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và công trình vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hằng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 9. Trách nhiệm được ủy quyền của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

1. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

2. Thực hiện các quy định tại Khoản 6, 7, 8, 9 Điều 5 của quy định này.

3. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục số I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị Định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý theo Khoản 2, Điều 5 Quy định này).

4. Kiểm tra nghiệm thu các công trình xây dựng trong khu công nghiệp, trừ các công trình thuộc quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng và các công trình quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP:

a) Công trình công nghiệp cấp II, III trong các khu công nghiệp (theo Phụ lục I Nghị định 46/2015/NĐ-CP);

b) Công trình từ cấp II, III trong khu công nghiệp thuộc loại công trình có ảnh hưởng đến cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng thuộc quyền quản lý được quy định tại Khoản 3 Điều này.

6. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hằng

năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu, sự cố công trình xây dựng trong khu công nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển)

Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và trong hồ sơ quyết toán vốn đầu tư phải có văn bản kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Chương III

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, XÃ**

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do mình quản lý được quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy định này.

3. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 24 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp liên quan đến những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu, sự cố công trình xây dựng trên địa bàn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 12. Trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại Khoản 1 đến Khoản 5 Điều 11 Quy định này.

3. Thực hiện trách nhiệm được ủy quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: Công trình dân dụng, công trình công nghiệp,

công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật trừ công trình xử lý chất thải rắn theo Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP:

a) Công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; công trình cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình cấp III (có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng) và công trình cấp IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ có chiều cao dưới 7 tầng thuộc cấp III.

4. Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và phân cấp của tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: Hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Quy định này.

4. Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện ngay các biện pháp xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình

Lựa chọn các nhà thầu có đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, thí nghiệm, kiểm định xây dựng; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu xây dựng đề xuất theo quy định của hợp đồng. Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư tại các giai đoạn như sau:

1. Công tác quản lý chất lượng trong giai đoạn khảo sát xây dựng:

a) Thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 26/2016/TT-BXD được quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Lựa chọn nhà thầu lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư kiểm tra và phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng. Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng làm cơ sở cho việc phê duyệt;

d) Tổ chức giám sát chất lượng công tác khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Nghiệm thu, phê duyệt, lưu trữ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Công tác quản lý chất lượng trong giai đoạn thiết kế xây dựng, công trình:

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Tổ chức lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình với các nội dung theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư số 26/2016/TT-BXD. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập thiết kế xây dựng công trình. Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia góp ý hoặc thẩm tra nhiệm vụ thiết kế khi cần thiết;

c) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 38, Khoản 8 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Thực hiện thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Có trách nhiệm lựa chọn tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình có đủ điều kiện, năng lực thực hiện và kiểm tra, giám sát công việc tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật;

e) Đối với các công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư có trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và thanh toán các chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng khi kết thúc đợt kiểm tra theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

3. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình:

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự quản lý chất lượng thi công xây dựng được quy định tại Điều 23 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Kiểm tra, chấp thuận các nội dung trong công tác quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng;

d) Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa chủ đầu tư và các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trong trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Phối hợp với các nhà thầu thi công xây dựng có liên quan tổ chức thực hiện nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo các nội dung và thành phần ký biên bản nghiệm thu quy định tại Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD quy định tại Điều 30, 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này, ngay sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo theo Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 12 của Quy định này và các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

f) Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này còn phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 12 của Quy định này và các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

g) Tối thiểu trước 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc trước 10 ngày đối với các công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu

hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 12 Quy định này và các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP để tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

h) Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng bao gồm các thành phần hồ sơ theo danh mục Phụ lục số III Thông tư số 26/2016/TT-BXD được quy định tại Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

i) Tổ chức lập một bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình để bàn giao cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lưu trữ trong suốt quá trình khai thác, sử dụng công trình theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 26/2016/TT-BXD với danh mục hồ sơ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

4. Tổ chức bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng được quy định tại Điều 34 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm trong công tác bảo hành công trình xây dựng:

a) Thời gian bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước, mức tiền bảo hành tối thiểu được quy định tại Khoản 7 Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm yêu cầu các nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành công trình xây dựng, thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

6. Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: Báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng, nội dung báo cáo theo Điều 23 Thông tư số 26/2016/TT-BXD quy định tại Điều 47 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP; tham gia giải quyết sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 24 của Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

1. Thực hiện trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Nhà thầu khảo sát có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát theo quy định của hợp đồng thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm khảo sát và tổ chức thực hiện biện pháp kiểm soát chất lượng quy định tại phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

4. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo nội dung được quy định tại Điều 15 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu, phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu.

2. Nội dung của nhiệm vụ khảo sát xây dựng; sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong quá trình thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Thực hiện trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Lập nhiệm vụ thiết kế khi chủ đầu tư yêu cầu theo nội dung được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Lập chỉ dẫn kỹ thuật khi chủ đầu tư yêu cầu được quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Quản lý chất lượng công tác thiết kế xây dựng được quy định tại Điều 20 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Thiết kế công trình xây dựng theo quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

f) Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình được quy định tại Điều 28 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thực hiện theo các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình quy định tại Điều 7 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

2. Trách nhiệm nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình đối với công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng trong trường hợp chủ đầu tư được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng áp dụng loại hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC) hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay được quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (lập nhật ký thi công công trình theo quy định tại Điều 10, lập bản vẽ hoàn công hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BXD).

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 14 của Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu được quy định tại Điều 24 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu thực hiện bảo hành chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị do mình cung cấp, lắp đặt được quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 14 của Quy định này.

3. Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 20. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình xây dựng

1. Nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

2. Lập đề cương kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

3. Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định với các nội dung theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

4. Trường hợp kiểm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 29, Điểm đ Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, trình tự thực hiện kiểm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

5. Thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng trong các trường hợp được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Khi được quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng kèm bản sao quyết định công nhận và danh mục các phép thử kèm theo.

2. Thực hiện theo hợp đồng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình, xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

3. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

Chương V

TRÁCH NHIỆM BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CHỊU LỰC VÀ AN TOÀN VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG, XỬ LÝ CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM HOẶC HẾT HẠN SỬ DỤNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG TIẾP

Điều 22. Trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng trong công tác bảo trì công trình xây dựng; đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn khai thác sử dụng; xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Tổ chức thực hiện theo trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 37 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 26/2016/TT-BXD và các công trình có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập, đổ công trình bắt buộc phải được quan trắc đối với hệ kết cấu chịu lực chính của công trình mà khi bị hư hỏng có thể dẫn đến sập, đổ công trình. Các nội dung và yêu cầu trong công tác quan trắc được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

3. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ

chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu thấy cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải quy định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 26/2016/TT-BXD có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì, tổ chức thực hiện bảo trì, quản lý chất lượng công việc bảo trì, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định từ Điều 39 đến Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đối với các công trình và theo nội dung đánh giá được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Quy định này.

6. Có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cấp xã, cấp huyện xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn sử dụng được quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 5 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

7. Thực hiện các công việc đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp theo quy định tại Khoản 1, 4, 5 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Quy định này để được xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

8. Tổ chức lập và chi trả chi phí kiểm định thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 23. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình đối với công trình chuyên ngành từ cấp II trở xuống theo chuyên ngành quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 3 Điều 9 Quy định này và trừ các công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

2. Trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng

tiếp đối với công trình chuyên ngành cấp I, II thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, khoản 3 điều 9 của Quy định này. Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình còn lại trên địa bàn;

b) Riêng đối với nhà ở, thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Chương VI **SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 24. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 46, 47 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giải quyết sự cố, phân cấp trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng:

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Các Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố cấp I, II; phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố cấp III và thực hiện các công việc quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 25. Thẩm quyền giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Thẩm quyền giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III công trình xây dựng, quy định như sau:

a) Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

b) Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp phối hợp với Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do các Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 3 Điều 9 của Quy định này;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ. Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố;

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố các công trình chuyên ngành.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, hồ sơ sự cố công trình được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 49 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trình tự thực hiện giám định xây dựng; Thông báo kết luận giám định nguyên nhân sự cố công trình được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 20 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cùng cố tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

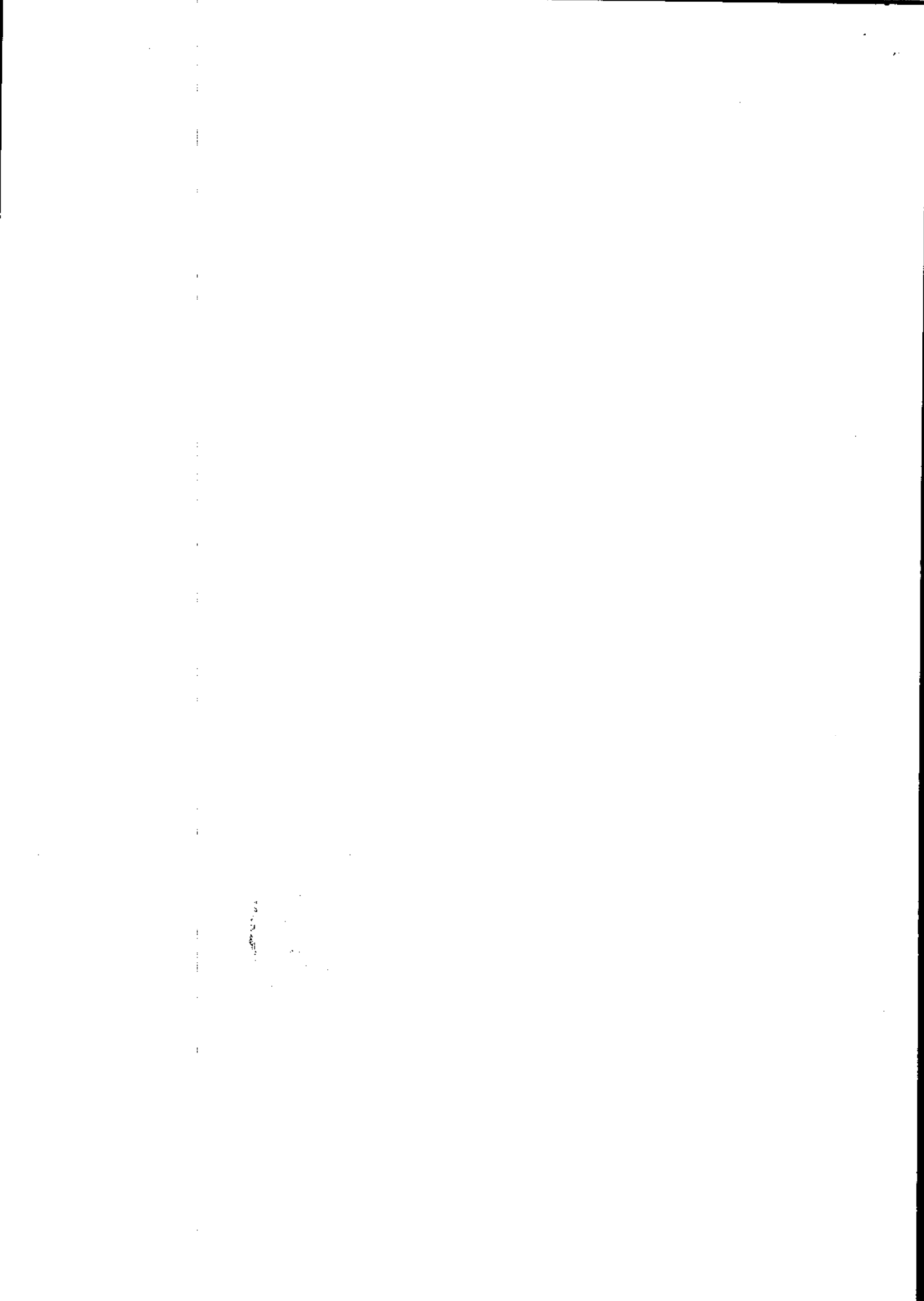
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐOÀN VĂN TUẤN



Đoàn Văn Tuấn



PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~16~~ /2017/QĐ-UBND ngày ~~16~~ tháng ~~11~~ năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 201....

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư

Công trình:..... Thuộc dự án:.....

Hạng mục công trình:.....

Địa điểm xây dựng:.....

Căn cứ Công văn thông báo kế hoạch công tác sốngày.....của
.....(1)..... về kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư;

Căn cứ Báo cáo số ngày của chủ đầu tư;

Ngày, đoàn công tác của (1)..... đã tiến hành kiểm tra
hiện trường và hồ sơ hoàn thành công trình
Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đoàn công tác và các bên liên quan thống nhất nội
dung sau:

I. Thời gian và địa điểm cuộc họp:

- Thời gian:.....

- Địa điểm:.....

II. Thành phần tham gia:

1. Đoàn công tác của(1)..... (như Công văn số ngày/...../201...
của(1).....).

Trưởng đoàn:(1).....

2. Đại diện chủ đầu tư:(tên đơn vị).....

.....

3. Đại diện nhà thầu tư vấn thiết kế:(tên đơn vị).....

.....

4. Đại diện nhà thầu giám sát:(tên đơn vị).....

.....

5. Đại diện nhà thầu thi công:(tên nhà thầu thi công chính).....

.....

6. Các thành phần khác (nếu có):.....

.....

III. Nội dung làm việc: (Nêu các hoạt động kiểm tra của đoàn công tác)

.....(2).....

IV. Kết luận và yêu cầu của đoàn công tác:

1. Đánh giá về hiện trạng chất lượng công trình:

.....

2. Đánh giá về hồ sơ quản lý chất lượng:

.....

3. Yêu cầu của đoàn công tác:

.....

Cuộc họp kết thúc lúch..... cùng ngày.

Biên bản làm việc được phát hành thành bản, mỗi bên tham gia giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Các bên cùng thống nhất ký tên vào biên bản./.

....., ngày tháng năm 201.....

Đại diện đoàn công tác của
.....(1).....

Đại diện chủ đầu tư

Đại diện nhà thầu giám sát

Đại diện nhà thầu thiết kế

...(Đại diện các đơn vị khác nếu có).... **Đại diện nhà thầu thi công xây dựng**

Ghi chú:

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên hoặc Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban dân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu;

(2) Danh mục hồ sơ, tài liệu thiết lập ở giai đoạn chuyên bước thi công xây dựng/hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng được lập trên cơ sở những hồ sơ đã thực hiện theo quy định.

PHỤ LỤC II
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....ngày..... tháng..... năm 201.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số **8** /2017/QĐ-UBND ngày **8** tháng **11** năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

UBND cấp xã

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15/11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện

Thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 12 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số/2017/QĐ-UBND của Ủy ban dân dân tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban dân dân cấp xã báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích xây dựng/Tổng diện tích sàn/Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu tư vấn giám sát	Tên nhà thầu thi công xây dựng	Ngày/tháng/năm khởi công/Dự kiến thời gian hoàn thành
1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

